TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2018.

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁNNHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Một;

2. Ông Lữ Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số B, hẻm M, đường TC, khu phố NL, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Quốc K, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ B1, hẻm M, đường NHT, khu phố HT, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 02 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án, đơn yêu cầu thay đổi một phần nội dung khởi kiện ngày 26 tháng 03 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân chung sống vợ chồng với nhau năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh vào ngày 24/10/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh K thường xuyên uống rượu về có những lời lẽ, thái độ xúc phạm,

không tôn T1 chị, hay nghi ngờ, ghen tuông vô cớ, không tin tưởng chị trong quan hệ vợ chồng, đồng thời, khi về bên gia đình chị, anh K có những lời lẽ xúc phạm gia đình chị. Hơn nữa, giữa chị và gia đình chồng có mâu thuẫn, chị bị gia đình chồng mắng và đuổi đi. Chị và anh K ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 01 con chung là Đỗ Quốc T1, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2011. Cháu T1 hiện đang sống với chị T.

Khi khởi kiện, chị T yêu cầu nuôi cháu T1, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu T1 1.000.000 đồng/tháng. Ngày 26/3/2018, chị T có đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh K. Về con chung: chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 3 năm 2018, bị đơn anh Đỗ Quốc K trình bày:

Về hôn nhân: Anh K thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn và thời gian ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T thường xuyên đi chơi nhưng không thông báo cho anh biết, có vài lần chị T đi chơi qua đêm không về nhà, đồng thời giữa chị T với mẹ của anh có mâu thuẫn và hay cãi nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là Đỗ Quốc T1, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2011. Cháu T1 hiện đang sống với chị T.

Chị T yêu cầu nuôi cháu T1 anh đồng ý; yêu cầu anh K cấp dưỡng cho cháu T1 1.000.000 đồng/tháng anh không đồng ý do thu nhập của anh thấp, không ổn định. Vì vậy anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T1 600.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với anh Đỗ Quốc K; về con chung: chị T tiếp tục chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu T1. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Quốc K có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt vụ án ly hôn giữa anh K với chị Nguyễn Thị Mộng T. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Quốc K.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Đỗ Quốc K tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2011 tại UBND phường Hiệp Ninh, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh). Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, lời khai của chị T, anh K trình bày thống nhất anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do giữa chị T và anh K đều có mâu thuẫn với gia đình hai bên, anh chị không tin tưởng lẫn nhau trong đời sống vợ chồng. Chị T cho rằng anh K không tin tưởng chị, xúc phạm gia đình chị và giữa chị với gia đình chồng có mâu thuẫn với nhau, chị bị mẹ chồng mắng và đuổi đi; ngược lại, anh K cho rằng chị T thường xuyên bỏ nhà đi chơi không hỏi ý kiến của anh, nhiều lần đi qua đêm không về nhà. Do đó, anh chị ly thân nhau từ tháng 01/2018 đến nay. Chị T, anh K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn với anh K, anh K trình bày ý kiến trong biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 3 năm 2018 đồng ý ly hôn với chị T.

Do anh K không tham gia hòa giải và xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trình bày của anh K và xác định hôn nhân của anh chị mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét xử cho anh chị được ly hôn.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Quốc T1, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2011. Cháu T1 hiện đang sống với chị T. Xét chị T yêu cầu nuôi cháu T1, anh K đồng ý và chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tình tiết, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mộng T với anh Đỗ Quốc K.

Chị Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với anh Đỗ Quốc K; chị T và anh K không còn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

[2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Quốc T1, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Giao cháu T1 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu T1.

Sau khi ly hôn, anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005091 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5]. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi có trụ sở.

[6]. Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng KT-NV TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND thành phố Tây Ninh;
-CCTHADS thành phố Tây Ninh;
-Các đương sự;
- Nơi cấp chứng nhận kết hôn;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-Lưu.

Nguyễn Thị Thùy Trang